TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2018/DS-PT
Ngày 10- 4-2018
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trọng Tiến**

Các Thẩm phán: Ông **Đinh Văn Long**

Ông **Nguyễn Quốc Thiện**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thị Bích Cẩm -** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam***: Bà **Nguyễn Thị Hồng Liên -** Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2018/QĐPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị V, sinh năm 1970; *(Có mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ T, sinh năm 1949; (Theo Văn bản ủy quyền lập ngày 06/3/2018); *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: Tổ 5, thôn T, xã Bình P, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

2. *Bị đơn:* Ông Phan P, sinh năm 1963; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Tổ 5, thôn T, xã Bình P, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Phan T, sinh năm 1965; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Tổ 50, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

3.2. Bà Phan Thị T, sinh năm 1979; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Tổ 9, thôn T, xã Bình T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3.3. Bà Lê Thị M, sinh năm 1971; *(Có mặt)*

3.4. Chị Phan Thị P, sinh năm 1999; *(Vắng mặt)*

3.5. Chị Phan Thị L, sinh năm 1996; *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Tổ 139, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

4. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn C, sinh năm 1949; Địa chỉ: Tổ 9, thôn Bình H, xã Bình P, huyện T, tỉnh Quảng Nam. *(Có mặt)*

5. *Người kháng cáo*: Ông Phan T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị V trình bày:

Mẹ tôi là bà Trương Thị B chết vào ngày 09/5/2014. Trước khi chết, mẹ tôi có để lại di chúc lập ngày 29/7/2013 được chứng thực tại UBND xã Bình P. Theo di chúc, mẹ tôi để lại cho tôi 01 ngôi nhà cấp 4 *(nhà tình nghĩa được Nhà nước xây cho mẹ tôi sau khi cha tôi - ông Phan C1 chết)* và toàn bộ diện tích đất thổ cư, đất màu, đất lúa đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan C1 ngày 14/11/1996 gồm:

- Diện tích đất thổ cư 592m^2, số thửa 515, tờ bản đồ 20;
- Đất màu diện tích 530m^2, số thửa 330, tờ bản đồ 21; đất màu diện tích 390m^2, số thửa 191, tờ bản đồ 17; đất màu diện tích 236m^2, số thửa 937, tờ bản đồ 16; đất màu diện tích 250m^2, số thửa 997, tờ bản đồ 16 và đất màu diện tích 250m^2, số thửa 928, tờ bản đồ 16;
- Đất lúa diện tích 357m^2, số thửa 67, tờ bản đồ 16; đất lúa diện tích 378m^2, số thửa 425, tờ bản đồ 16 và đất lúa diện tích 300m^2, số thửa 1000, tờ bản đồ 16.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia 50% di sản thừa kế *(phần di sản của mẹ tôi để lại)* cho tôi; 50% di sản thừa kế còn lại (*phần di sản của cha tôi để lại)* thì chia đều cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Phan P trình bày:

Tôi thống nhất là cha mẹ tôi - ông Phan C1 và bà Trương Thị B sau khi chết có để lại tài sản như bà V trình bày. Việc mẹ tôi để lại di chúc giao toàn bộ tài sản gồm nhà và đất cho bà V thì tất cả anh em tôi không biết. Với yêu cầu khởi kiện của bà V, tôi đồng ý giao ngôi nhà cấp 4 cho bà V sở hữu, sử dụng vì đây là tài sản của mẹ tôi; về phần đất thổ cư 592m^2, số thửa 515, tờ bản đồ 20 thì dùng vào việc thờ cúng tổ tiên; phần diện tích đất màu và đất lúa thì hiện nay tôi và bà V cùng nhau sử dụng.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Ông Phan T trình bày*: Tôi thống nhất là cha mẹ tôi sau khi chết có để lại tài sản như bà V trình bày. Việc mẹ tôi để lại di chúc giao toàn bộ tài sản gồm nhà và đất cho bà V thì tất cả anh em tôi không biết. Với yêu cầu khởi kiện của bà V, tôi đồng ý giao ngôi nhà cấp cho bà V sở hữu, sử dụng vì đây là tài sản của mẹ tôi; về phần đất thổ cư 592m^2, số thửa 515, tờ bản đồ 20 thì dùng vào việc thờ cúng tổ tiên; về diện tích đất màu và đất lúa thì bản thân tôi hiện đang sống tại thành phố Đà Nẵng, không có nhu cầu sử dụng nên tôi không yêu cầu chia phần cho tôi mà để cho bà V và ông P cùng nhau sử dụng.

- *Bà Phan Thị T trình bày*: Tôi thống nhất là cha mẹ tôi sau khi chết có để lại tài sản như bà V trình bày. Việc mẹ tôi để lại di chúc giao toàn bộ tài sản gồm nhà và đất cho bà V thì tôi không biết. Với yêu cầu khởi kiện của bà V, tôi từ chối nhận di sản thừa kế của cha mẹ tôi để lại và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ tôi cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật.

- *Bà Lê Thị M trình bày*: Tôi là vợ của ông Phan N (ông N chết vào năm 2008). Ông Phan N là con của ông Phan C1 và bà Trương Thị B. Việc mẹ chồng tôi để lại di chúc giao toàn bộ tài sản gồm nhà và đất cho bà V thì tôi không biết. Với yêu cầu khởi kiện của bà V, tôi từ chối nhận phần di sản thừa kế mà được tôi chia và đề nghị Tòa án chia cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật.

- *Chị Phan Thị P và chị Phan Thị L trình bày*: Chúng tôi là con gái của ông Phan N đã chết năm 2008. Ông bà nội của chúng tôi chết có để lại tài sản gồm nhà và đất như bà V đã trình bày. Với yêu cầu khởi kiện của bà V, chúng tôi từ chối nhận phần di sản thừa kế mà chúng tôi được chia và đề nghị Tòa án chia cho ông Phan T, ông Phan P và bà Phan Thị V.

Với nội dung như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 623, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 635, Điều 643, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử:

* Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị V về yêu cầu chia di sản thừa kế tài sản của ông Phan C1 và bà Trương Thị B là diện tích đất thổ cư 592m^2, số thửa 515, tờ bản đồ 20; đất màu diện tích 530m^2, số thửa 330, tờ bản đồ 21; đất màu diện tích 390m^2, số thửa 191, tờ bản đồ 17; đất màu diện tích 236m^2, số thửa 937, tờ bản đồ 16; đất màu diện tích 250m^2, số thửa 997, tờ bản đồ 16; đất màu diện tích 250m^2, số thửa 928, tờ bản đồ 16; đất lúa diện tích 528m^2, số thửa 352, tờ bản đồ 3 và đất lúa diện tích 512m^2, số thửa 354, tờ bản đồ 3. Tổng diện tích đất màu của 4 thửa là 1.656m^2, tổng diện tích đất lúa của 2 thửa là 1.040m^2; 01 ngôi nhà cấp 4, nền xi măng, tường xây, tôn Prôximăng (ngang 4m, dài 8m) thuộc nhà tình nghĩa, được xây dựng trên diện tích đất bờ do Ủy ban nhân dân xã Bình P, huyện T quản lý.

- Công nhận một phần bản di chúc của bà Trương Thị B lập ngày 29/7/2013.

+ Phần di sản thừa kế do bà Trương Thị B để lại được chia theo di chúc là: Diện tích đất ở là 296m^2 + 49,3m^2 được hưởng thừa kế của ông C1 = 345,3m^2 (trong đó 175m^2 đất ở và 170,3m^2 đất vườn thừa); 1/4 diện tích đất nông nghiệp và 1 phần di sản được hưởng thừa kế của ông C1 là: Diện tích đất màu là 414m^2 + 69m^2 = 483m^2, diện tích đất lúa: 260m^2 + 43,3m^2 được hưởng thừa kế của ông C1 = 303,3m^2; 01 ngôi nhà cấp 4, nền xi măng, tường xây, tôn Prôximăng (ngang 4m, dài 8m) thuộc nhà tình nghĩa, được xây dựng trên diện tích đất bờ do Ủy ban nhân dân xã Bình P, huyện T quản lý.

- Diện tích đất được chia theo pháp luật: Diện tích đất thổ cư 296m^2 (trong đó 150m^2 đất ở và 146m^2 đất vườn thừa); Đất màu diện tích 1.173m^2 và đất lúa diện tích 737,3m^2 được chia theo pháp luật.

*** Như vậy:**

- Phần tài sản thừa kế bà Phan Thị V được nhận là:

+ Giao cho bà Phan Thị V quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư bao gồm nhận thừa kế theo di chúc do bà B để lại và phần tài sản được chia theo pháp luật 296m^2 + 49,3m^2 + 82,1m^2 = 427,4m^2 (trong đó đất ở 216,6m^2, đất vườn thừa 210,8m^2); các cạnh thửa đất: Chiều ngang cạnh phía Nam 24.06m, chiều ngang cạnh phía Bắc 24.36m, chiều dài cạnh phía Tây 16.87m, chiều dài cạnh phía Đông 18.5m; tứ cận thửa đất như sau: Phía Tây giáp đất ông P, phía Đông giáp đất nghĩa địa, phía Bắc giáp bờ, phía Nam giáp nhà bà V (Có sơ đồ kèm theo).

+ Giao cho bà Phan Thị V quản lý, sử dụng các thửa đất nông nghiệp sau: Đất màu diện tích 390m^2, số thửa 191, tờ bản đồ 17; Đất màu diện tích 236m^2, số thửa 937, tờ bản đồ 16; Đất màu diện tích 250m^2, số thửa 997, tờ bản đồ 16; Đất màu diện tích 250m^2, số thửa 928, tờ bản đồ 16; đất lúa diện tích 528m^2, số thửa 352, tờ bản đồ 3 và đất lúa diện tích 512m^2, số thửa 354, tờ bản đồ 3. Bà Phan Thị V chịu trách nhiệm thối trả giá trị chênh lệnh bằng tiền cho ông Phan P là 13.387.000 đồng *(Mười ba triệu, ba trăm tám bảy nghìn đồng).*

+ Giao cho bà Phan Thị V sở hữu, sử dụng 01 ngôi nhà cấp 4, nền xi măng, tường xây, tôn Prôximăng (ngang 4m, dài 8m) thuộc nhà tình nghĩa, được xây dựng trên diện tích đất bờ do Ủy ban nhân dân xã Bình P, huyện T quản lý. Tứ cận ngôi nhà như sau: Phía Nam giáp đường, phía Đông giáp nghĩa địa, phía Bắc giáp đất bà V, phía Tây giáp nhà bà V.

Trị giá phần tài sản bà Phan Thị V được nhận là: 87.890.600 đồng *(Tám mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi nghìn, sáu trăm đồng).*

- Phần tài sản thừa kế ông Phan P được nhận là:

+ Giao cho ông Phan P quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư 82,1m^2 (trong đó 41,6m^2 đất ở và 40,5m^2 đất vườn thừa); các cạnh thửa đất: Chiều ngang 4.92m, chiều dài cạnh phía Tây 16.50m, chiều dài cạnh phía Đông 16.87m; có tứ cận như sau: Phía Tây giáp đất ông T, phía Đông giáp đất bà V, phía Bắc giáp bờ, phía Nam giáp bờ (Có sơ đồ kèm theo).

+ Giao cho ông Phan P quản lý, sử dụng thửa đất nông nghiệp sau: Đất màu diện tích 530m^2, số thửa 330, tờ bản đồ 21 và 13.387.000 đồng *(Mười ba triệu, ba trăm tám bảy nghìn đồng)* do bà Phan Thị V thanh toán.

Trị giá phần tài sản ông Phan P được nhận là: 29.986.000 đồng *(Hai mươi chín triệu, chín trăm tám sáu nghìn đồng).*

- Phần tài sản thừa kế ông Phan T được nhận là:

+ Giao cho ông Phan T quản lý, sử dụng diện tích đất thổ cư 82,1m^2 (trong đó 41,6m^2 đất ở và 40,5m^2 đất vườn thừa); các cạnh thửa đất: Chiều ngang 5.02m, chiều dài cạnh phía Tây 16.20m, chiều dài cạnh phía Đông 16.50m; có tứ cận như sau: Phía Tây giáp bờ, phía Đông giáp đất ông P, phía Bắc giáp bờ, phía Nam giáp bờ (Có sơ đồ kèm theo).

Trị giá phần tài sản ông Phan T được nhận là: 4.948.000 đồng *(Bốn triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng)*.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/12/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan T, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan T không thay đổi, bổ sung, rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan T, thì thấy:

Vợ chồng ông Phan C1 *(chết ngày 27/8/2002)* và bà Trương Thị B *(chết ngày 09/5/2014)* có 05 người con gồm ông Phan P, ông Phan T, bà Phan Thị V, bà Phan Thị T và ông Phan N *(chết năm 2008; có vợ là bà Lê Thị M và 02 con là chị Phan Thị P, chị Phan Thị L)*. Sau khi chết, ông C1 và bà B có để lại di sản gồm 01 căn nhà tình nghĩa cấp 4 và diện tích đất thổ cư, đất màu, đất lúa đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan C1 ngày 14/11/1996. Ông C1 chết không để lại di chúc; bà B để lại di chúc với nội dung để lại toàn bộ di sản nêu trên cho con gái là bà Phan Thị V.

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, các đồng thừa kế đều thừa nhận căn nhà tình nghĩa cấp 4 là do Nhà nước xây cho bà B trên diện tích đất bờ do Ủy ban nhân dân xã Bình P quản lý sau khi ông C1 chết. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định căn nhà này là tài sản riêng của bà B là có căn cứ. Đối với di sản thừa kế là diện tích đất thổ cư, đất màu và đất lúa, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 4 thành viên của hộ ông Phan C1 gồm ông C1, bà B, ông N và bà Thêm có quyền sử dụng đất đối với các

loại đất này. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy, tại thời điểm giải quyết vụ án, thành viên hộ gia đình ông Phan C1 đã có sự thay đổi so với thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện T xác định thành viên hộ ông C1 tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ căn cứ lời khai của các đương sự và trả lời của Ủy ban nhân dân xã Bình P tại Công văn số 05/CV-UBND ngày 10/10/2017 đã xác định hộ ông C1 có 4 thành viên gồm ông C1, bà B, ông N và bà Thêm có quyền sử dụng đất là chưa đủ cơ sở vững chắc. Hơn nữa, theo lời khai của các đương sự thì sau khi ông C1 và bà B chết, diện tích đất màu và đất lúa do ông P và bà V chia nhau sử dụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ ngoài ông P, bà V thì các thành viên còn lại của hộ ông P và hộ bà V có người nào đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất hoặc có công sức đóng góp làm tăng giá trị quyền sử dụng đất hay không? Nếu có thì phải đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, cấp sơ thẩm cũng không xem xét Văn bản lập ngày 08/6/2008 Mậu Tý mà vợ chồng ông Thắng, bà V cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, trong khi tại nội dung văn bản này thể hiện: *"... Phan P, Phan T đồng ý chuyển cho vợ chồng Thắng+Vui đất thổ diện tích 10 thước với giá tiền 500.000đ..."*. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ bà B, ông P, ông T có chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Thắng, bà V hay không? Nếu có chuyển nhượng và diện tích đất chuyển nhượng thuộc di sản thừa kế mà ông C1, bà B để lại thì phải đưa ông Thắng tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Xét bản Di chúc lập ngày 29/7/2013 của bà B, thì thấy: Di chúc có điểm chỉ của bà B và đã được Ủy ban nhân dân xã Bình P chứng thực. Di chúc này được bà B nhờ ông Nguyễn C làm chứng và viết hộ vì bà B không biết chữ nhưng khi chứng thực bản di chúc, Ủy ban nhân dân xã Bình P không yêu cầu ông Nguyễn C ký vào di chúc; ngoài ông Chức thì không có người nào khác làm chứng cho việc lập di chúc của bà B. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 652 và Điều 656 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì di chúc của bà B không đúng về hình thức. Do vậy, Di chúc này không được coi là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2005. Việc Tòa án cấp sơ thẩm công nhận một phần di chúc của bà B để chia di sản thừa kế theo di chúc là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của các đồng thừa kế khác.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm còn có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; cụ thể như sau:

Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Ngày 13/9/2017, Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2017/QĐXX-DS với thành phần người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lê Thị M, chị Phan Thị P, chị Phan Thị L và một số người khác. Tuy nhiên, qua xem xét hồ sơ vụ án thì thấy trước thời điểm ban hành Quyết định này, không có tài liệu nào thể hiện thông tin của chị Phượng, chị Lan và đến ngày 24/9/2017 Tòa án cấp sơ thẩm mới thông báo cho chị Phượng, chị Lan biết việc Tòa án đã thụ lý vụ án số 55/2016/TLST-DS ngày 29/11/2016. Không những thế, sau đó vào ngày 20/10/2017, Tòa án cấp sơ thẩm lại

ban hành Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng với nội dung bổ sung bà Mai, chị Phượng và chị Lan vào thành phần người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Thứ hai, Tòa án cấp sơ thẩm đã hoãn phiên tòa tùy tiện, không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Theo Biên bản thảo luận ngày 26/9/2017 thì bị đơn ông Phan P có mặt nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2017/QĐST-DS với lý do bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa; thời gian Hội đồng xét xử thảo luận hoãn phiên tòa là từ **08** giờ **10** ngày 26/9/2017 đến **8** giờ **20** cùng ngày, trong khi đó theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 16/2017/QĐXX-DS ngày 13/9/2017 thì thời gian mở phiên tòa được ấn định là **13** giờ **30** ngày 26/9/2017.

Thứ ba, theo quy định tại khoản 2 Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự thì chỉ có các thành viên Hội đồng xét xử mới có quyền nghị án. Tuy nhiên, tại Biên bản nghị án ngày 06/11/2017 lại thể hiện thành phần tham gia nghị án có cả Thư ký phiên tòa và đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thu thập chứng cứ chưa đầy đủ và có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của các đương sự; những sai sót trên tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Phan T, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên ông Phan T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan T; hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 53/2017/DS-ST ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Phan T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu số 0020536 ngày 02/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10/4/2018).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Trọng Tiến